TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HS-PT
Ngày: 11-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hoài
Ông Nguyễn Văn Bình

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hoàng Quốc Huy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Đào, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 166/2019/TLPT-HS ngày 25-12-2019 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc G, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 172/2019/HSST ngày 22-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

** Bị cáo kháng cáo:*

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc G**, sinh năm 1985 tại tỉnh Gia Lai. Nơi ĐKNKTT: Tổ 12, phường TS, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: 104 NĐC, thị trấn LN, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 5/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn C (chết), con bà Từ Thị S, sinh năm 1958, hiện cư trú tại tổ 12, phường TS, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Vợ: Nông Thị Như Q, sinh năm 1997, bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26-9-2006 Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai xử lý hành chính "*Đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục*" 24 tháng.

Bản án số 46/HSST ngày 24-12-2010 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xử phạt 07 tháng tù về tội "*Chống người thi hành công vụ*".

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03-5-2018, hiện đang bị giam giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Đức Trọng. Có mặt.

Trong vụ án này, có bị hại ông Trần Văn Th, người liên quan bà Lê Thị L, chị Nguyễn Thị Thanh H, chị Nông Thị Như Q, chị Nông Thị Quỳnh Nh, bà Nguyễn Thị T không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa gia đình bị hại ông Trần Văn Th và gia đình bà Nông Thị Thu V (*Mẹ vợ của bị cáo*) có mâu thuẫn từ trước trong kinh doanh buôn bán tại chợ đêm thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Vào khoảng 21 giờ ngày 26-11-2017 bị cáo Nguyễn Ngọc G ra chợ đêm phụ bà V dọn đồ để về thì xảy ra mâu thuẫn xô xát giữa bị cáo G với bị hại ông Th, lúc này giữa bà Lê Thị L (*vợ bị hại*), chị Nguyễn Thị Thanh H (*con bị hại*) cũng xảy ra xô xát đánh nhau với Nông Thị Như Q (*vợ bị cáo*), chị Nông Thị Quỳnh Nh (*em vợ bị cáo*). Cả ba người gồm chị H, chị Q, chị Nh đều bị té nằm xuống đường, bị hại ông Th đi lại dùng chân đạp lên đầu của chị Q; sau đó giữa bị cáo G và bị hại ông Th tiếp tục xô xát với nhau, trong lúc xô xát bị cáo G dùng một con dao đâm vào người bị hại ông Th gây cho ông Th một vết thương ở tay trái và một vết thương thấu bụng thủng ruột non; sau khi gây thương tích cho bị hại ông Th, bị cáo G bỏ về, còn ông Th được mọi người đưa đi cấp cứu.

Bản kết luận giám định số 11/2018/TgT ngày 31-01-2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng kết luận bị hại ông Th bị "*Vết thương cẳng tay trái dài 4.5cm, vết thương thành bụng trái dài 7cm gây thấu bụng thủng một lỗ ruột non*" tỷ lệ thương tích 40% do vật sắc gây nên.

Bị cáo G khiếu nại và đề nghị giám định lại; Tại bản kết luận giám định số 137/19/TgT ngày 12-9-2019 của Hội đồng giám định pháp y, Viện pháp y quốc gia- Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Hai sẹo lớn ảnh hưởng thẩm mỹ vùng bụng; sẹo nhỏ vùng cẳng tay trái; Sẹo nhỏ vùng hố chậu phải; Thủng ruột non 01 lỗ đã qua xử trí; Tổn thương không hoàn toàn nhánh dậy thần kinh quay.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể từng thương tích gây nên tại thời điểm giám định của bị hại ông Thanh "*Hai sẹo lớn ảnh hưởng thẩm mỹ vùng bụng*" là 13%; "*Sẹo nhỏ vùng cẳng tay trái*" là 01%; "*Sẹo nhỏ vùng hố chậu phải*" là 01%; "Thủng ruột non 01 lỗ" đã qua xử trí là 31%; "*Tổn thương không hoàn toàn nhánh dậy thần kinh quay tay trái*" là 11%. Tổng tỷ lệ thương tích là 48% theo nguyên tắc cộng lùi

Vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ 01 con dao (*lưỡi bằng sắt màu trắng, đầu dao vát nhọn, rộng 4cm dài 18cm, cán dao bằng gỗ màu nâu dài 15cm, rộng 3cm*)

Về bồi thường: Bị hại ông Th yêu cầu bồi thường số tiền 151.192.000đ bao gồm chi phí điều trị, thu nhập bị mất, tiền tổn thất về tinh thần, trong đó có hóa

đơn là 6.591.379đ. Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bồi thường 100 triệu, bị cáo G đã nộp số tiền 10.000.000đ.

Đối với hành vi bị hại ông Th dùng chân đạp lên đầu chị Q gây thương tích ở đầu và cổ. Tuy nhiên kết luận giám định xác định 0% (*Kết luận số 115/2019/TgT ngày 13/5/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng*), nên Cơ quan Công an xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với hành vi của chị L, chị H và chị Q, chị Nh tham gia đánh nhau không gây thương tích nên không xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 172/2019/HSST ngày 22-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc G phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (*Sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 2015*)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc G 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03-5-2018.

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, bồi thường, án phí, tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 26-11-2019 bị cáo G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Bị cáo khai nhận thực hiện hành vi dùng dao dâm vào bụng bị hại ông Th là đúng. Đối với vết thương ở tay, bị cáo không gây thương tích cho bị hại. Tuy nhiên, bị cáo xác nhận quá trình đánh nhau, chỉ có bị cáo dùng dao, không còn ai khác tham gia đánh nhau với bị hại. Về kháng cáo, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xuất phát từ mâu thuẫn trước đó và trong quá trình bị cáo Nguyễn Ngọc G phụ bà V (*mẹ vợ bị cáo*) dọn quán bán chợ đêm; vào khoảng 21 giờ ngày 26-11-2017 thì xảy ra xô xát giữa bị cáo G với bị hại ông Th, lúc này giữa bà bà Lê Thị L (*vợ bị hại*), chị Nguyễn Thị Thanh H (*con bị hại*) cũng xảy ra xô xát đánh nhau với Nông Thị Như Q (*vợ bị cáo*), chị Nông Thị Quỳnh Nh (*em vợ bị cáo*); sau khi chị H, chị Q, chị Nh đều bị té nằm xuống đường, bị hại ông Th đi lại dùng chân đạp lên đầu của chị Q; sau đó giữa bị cáo G và bị hại ông Th tiếp tục xô xát với nhau, trong lúc xô xát bị cáo G dùng một con dao đâm vào người bị hại ông Th.

Bị cáo khai và cho rằng không gây thương tích cho bị hại vết thương ở tay trong khi đó bị cáo cũng xác định quá trình đánh nhau, chỉ có bị cáo dùng dao, không còn ai khác tham gia đánh nhau với bị hại. Như vậy, toàn bộ thương tích như vết thương ở tay trái, vết thương thấu bụng thủng ruột non do bị cáo G gây ra cho bị hại. Sau khi gây thương tích cho bị hại ông Th, bị cáo G bỏ về, còn ông Th được mọi người đưa đi cấp cứu. Đối chiếu lời khai của bị cáo, lời khai của người liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, Cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện chứng cứ, đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc G phạm tội "*Cố ý gây thương tích*" là có căn cứ.

Hành vi "*Cố ý gây thương tích*" bị cáo thực hiện tháng 11-2017 thuộc trường hợp quy định khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*Sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 1999*). Tuy nhiên, so sánh giữa khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt từ 5 năm đến 10 năm với khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định mức hình phạt từ 5 năm đến 15 năm. Đáng lẽ cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội và áp dụng khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo mới đúng. Do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã xâm hại đến sức khỏe con người được pháp luật bảo vệ. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 để quyết định mức hình phạt là thỏa đáng.

Đối với tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, trong khi đó bị cáo bồi thường 10.000.000đ/79.011.000đ, phần nhận định không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này nhưng phần Quyết định lại áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 là không thống nhất. Tuy nhiên, bị cáo bồi thường tương ứng 1/8 nên áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 là phù hợp.

Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết gì mới, trong khi đó bị cáo cũng không thực hiện trách nhiệm bồi thường, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phúc hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc G, giữ nguyên bản án sơ thẩm; Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc G phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

Áp dụng khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc G 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03-5-2018.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc G phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT(I) – TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện Đức Trọng (04);
- VKSND huyện Đức Trọng (01)
- CSĐT Công an huyện Đức Trọng (01);
- THAHS Công an huyện Đức Trọng (04);
- Nhà tạm giữ Đức Trọng (02);
- Bị cáo (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Lưu hồ sơ (01), Án văn (01)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Kim Đồng